TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 18/01/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 608/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 574/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A *(gọi tắt là A)*; địa chỉ: B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M – Chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận thẩm định và quản lý công nợ (theo Văn bản ủy quyền số 14/2020/UQ-A ngày 06/10/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Quốc NM, sinh năm 1984 – Chức vụ: Nhân viên A; địa chỉ: B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 135/2022/UQ-LM-A ngày 04/11/2022 của ông M); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1986; địa chỉ: số 658, ấp LĐ, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày,* ngày 28/5/2021, bà Phạm Thị Mỹ N ký hợp đồng số 930210001800796000 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên A *(gọi tắt là A)* vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng; thời hạn vay 24 tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng 2.183.343 đồng; số tiền vay 35.000.000đồng; lãi suất tháng 3.4641% ; theo thỏa thuận bà N có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng phải thanh toán cho A số tiền là 2.183.343 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối cùng hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/6/2021.

Từ ngày 30/6/2021 đến ngày 25/02/2022 bà N thanh toán được cho A số tiền 15.237.460đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 25/02/2022 đến nay, bà N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù A đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà N thanh toán; nhiều lần đến nhà yêu cầu bà N thanh toán. Tổng dư nợ hiện tại của bà N tính đến ngày 30/11/2022 phải thanh toán cho A là 26.579.683đồng.

Do vậy, Công ty A, yêu cầu: Buộc bà N phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho A, số tiền tính đến hết ngày 30/11/2022 là 26.579.683đồng; Bà N tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 30/11/2022 cho đến khi hết nợ.

Bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Công ty A trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp là đúng; tại phiên tòa cung cấp bổ sung tài liệu bản tự khai, bảng kê tiền lãi chi tiết, thể hiện tính đến ngày xét xử tổng số nợ của bà Mỹ N là 28.046.924 đồng (trong đó: nợ gốc là 21.432.640 đồng, lãi trong hạn là 5.92.140 đồng, lãi quá hạn 597.144 đồng và phí quản lý khoản vay 96.000 đồng.

Tại phần tranh luận, đại diện nguyên đơn trình bày, do trong thời gian khởi kiện bà N vẫn thực hiện trả được một phần nợ, nhưng vẫn vi phạm các kỳ trả nợ, nên tại phiên tòa xác định yêu cầu bà N phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/01/2023 là 27.950.924 đồng, (trong đó: nợ gốc 21.432.640 đồng, nợ lãi trong hạn 5.921.140 đồng, nợ lãi quá hạn 597.144 đồng). Vì vậy, rút

một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chệnh lệch so với đơn khởi kiện là 3.347.078 đồng; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính phí quản lý khoản vay và số tiền là 96.000đồng phí quản lý khoản vay, tính đến ngày xét xử (ngày 18/01/2023)..

- Bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt, nên không ghi nhận ý kiến tại phiên tòa, bà Mỹ N cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV A (A).

- Buộc bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH MTV A (A) số tiền 27.950.924 đồng gồm vốn 21.432.640 đồng, lãi trong hạn 5.921.140 đồng, lãi quá hạn 597.144 đồng tính đến ngày 18/01/2023 và tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV A (A) đối với phí quản lý khoản vay 96.000 đồng và số tiền 3.347.078 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay dưới hình thức hợp đồng tín dụng. Bà Phạm Thị Mỹ N hiện cư trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp do nguyên đơn, bị đơn ký hợp đồng dưới hình thức hợp đồng tín dụng, nhưng bị đơn không đăng ký kinh doanh, không làm phát sinh lợi nhuận, nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng, sự vắng mặt của đương sự*: Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà Phạm Thị Mỹ N vẫn không có mặt tại phiên tòa. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Đại diện công ty A ủy quyền cho ông NM tham gia tố tụng phù hợp với quy định tại Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên ông NM có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:* giữa A và bà Phạm Thị Mỹ N đã xác lập Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021 với nội dung như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Xét thấy, hợp đồng này được các bên giao kết trên nguyên tắc tự nguyện; hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết hợp đồng, bà Mỹ N đã thực hiện trả được một phần tiền nợ vốn và lãi, nhưng sau đó bà Mỹ N không tiếp tục thanh toán cho A theo đúng thỏa thuận, không thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi theo kỳ thanh toán là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà Mỹ N không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Mỹ N phải trả cho A số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 01 năm 2022) theo Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, với số tiền nợ gốc là 21.432.640 đồng, lãi trong hạn là 5.921.140 đồng, lãi quá hạn là 597.144 đồng, tổng số tiền là 27.950.924 đồng, bà Phạm Thị Mỹ N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà cá bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021 đã ký kết, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà N phải thanh toán tổng số tiền là

32.298.002 đồng, nhưng trong quá trình thụ lý, giải quyết bà N có trả được một phần khoản vay, với số tiền gốc, lãi là 3.347.078 đồng, nên rút một phần yêu cầu với số tiền chênh lệch này, và đại diện nguyên đơn cũng rút với yêu cầu đối với tính phí quản lý khoản vay, và số tiền 96.000 đồng phí quản lý khoản vay. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính phí quản lý khoản vay, và số tiền 96.000 đồng phí quản lý khoản vay tính đến ngày xét xử (ngày 18/01/2023) và đình chỉ đối với số tiền chênh lệch là 3.347.078 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 309, 310, 314, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, h khoản 1 Điều 40 các Điều 147, 157, 217, 227, 244, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) đối với bà Phạm Thị Mỹ N.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) với tổng số tiền là 27.950.924 đồng *(hai mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng)* (trong đó: nợ gốc là 21.432.640 đồng, nợ lãi 5.921.140 đồng, nợ lãi quá hạn là 597.144 đồng), tạm tính đến ngày 18 tháng 01 năm 2023.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021, giấy nhận nợ Hợp đồng tín dụng số 930210001800796000 ngày 28/5/2021 đã ký kết.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu

hạn một thành viên A (A) cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với lãi suất của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) cho vay.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) đối với yêu cầu tính phí quản lý khoản vay, đình chỉ yêu cầu với số tiền tính phí quản lý khoản vay là 96.000đồng *(chín mươi sáu nghìn đồng),* tính tới thời điểm xét xử ngày 18/01/2023 và đình chỉ số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là 3.347.078 đồng *(ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng).*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) được nhận lại số tiền 782.000 đồng *(bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0012635 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3.2. Bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu 1.397.546 đồng *(một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A (A) có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Mỹ N là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (4);
- Người đại diện hợp pháp của đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên